

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC kiểm toán năm
2022 với BCTC tự lập lũy kế quý 4/2022 và cùng kỳ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin, Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam giải trình chênh lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC tự lập như sau:

Chỉ tiêu	Lũy kế 12 tháng 2022 trước kiểm toán	Lũy kế 12 tháng 2022 sau kiểm toán	Lũy kế 12 tháng 2021	Chênh lệch trước /sau kiểm toán	% Chênh lệch	Chênh lệch 12 tháng 2022/2021	% Chênh lệch
	VND	VND	VND	VND	%	VND	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.119.358.886.033	2.119.358.886.033	1.378.760.811.268	-	0,0%	740.598.074.765	34,9%
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.535.325.924	12.535.325.924	8.516.706.780	-	0,0%	4.018.619.144	32,1%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.106.823.560.109	2.106.823.560.109	1.370.244.104.488	-	0,0%	736.579.455.621	35,0%
Giá vốn hàng bán	1.743.255.325.099	1.743.255.325.099	1.120.640.495.693	-	0,0%	622.614.829.406	35,7%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	363.568.235.010	363.568.235.010	249.603.608.795	-	0,0%	113.964.626.215	31,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	21.268.724.379	21.268.724.379	13.745.847.945	-	0,0%	7.522.876.434	35,4%
Chi phí tài chính	75.579.501.723	75.579.501.723	55.847.738.247	-	0,0%	19.731.763.476	26,1%
Chi phí bán hàng	220.820.399.859	221.220.747.975	155.434.062.205	(400.348.116)	-0,2%	65.786.685.770	29,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.914.776.620	63.914.776.620	41.116.613.477	-	0,0%	22.798.163.143	35,7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.522.281.187	24.121.933.071	10.951.042.811	400.348.116	1,6%	13.170.890.260	53,7%
Thu nhập khác	737.851.817	737.851.817	943.027.717	-	0,0%	(205.175.900)	-27,8%
Chi phí khác	(370.237.940)	(370.237.940)	1.273.624.675	-	0,0%	(1.643.862.615)	444,0%
Lỗ khác	1.108.089.757	1.108.089.757	(330.596.958)	-	0,0%	1.438.686.715	129,8%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.630.370.944	25.230.022.828	10.620.445.853	400.348.116	1,6%	14.609.576.975	57,0%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.614.211.600	10.534.141.977	2.381.353.670	80.069.623	0,8%	8.152.788.307	76,8%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-			
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.016.159.344	14.695.880.851	8.239.092.183	320.278.493	2,1%	6.456.788.668	43,0%

1. Lợi nhuận sau thuế 12 tháng năm 2022 tăng 6.4 tỷ so với cùng kỳ năm trước:

- Doanh thu tăng 35% do doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh so với cùng kỳ năm 2021.
- Công ty tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động. Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng doanh thu thuần giảm 1.3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Nguyên nhân chênh lệch kết quả kinh doanh số lũy kế 12 tháng năm 2022 trên báo cáo tài chính tự lập và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 như sau:

- Điều chỉnh tăng chi phí bán hàng do trích lập thêm dự phòng: 400.348.116 đồng;
- Do thay đổi các khoản mục trên làm giảm thuế TNDN là: 80.069.623 đồng;
- Vì vậy, lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 320.278.493 đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu



Phan Anh Tuấn
TỔNG GIÁM ĐỐC